

BÁO CÁO

**Tình hình Kinh tế - xã hội, AN-QP 9 tháng đầu năm,
nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm, ước thực hiện
năm 2018 và định hướng phát triển năm 2019**

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, AN NINH - QUỐC PHÒNG 9 THÁNG
ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018**

Thực hiện nhiệm vụ 9 tháng đầu năm 2018, trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết số 41/2017/NQ- HĐND ngày 15/12/2017 của HĐND huyện khóa XIX về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, bên cạnh những thuận lợi trên địa bàn huyện còn gặp không ít những khó khăn, giá cả vật tư phục vụ đầu vào cao nên sản xuất gặp nhiều khó khăn, chăn nuôi không ổn định... Song được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ của các cấp, các ngành và sự nỗ lực phấn đấu địa phương nên kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Kết quả cụ thể trên các lĩnh vực như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về lĩnh vực kinh tế

Tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010) ước đạt 4.754,3 tỷ đồng, tăng 13,5% so với cùng kỳ. Trong đó: nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,8%; công nghiệp - xây dựng tăng 16,5%; dịch vụ tăng 14,5%.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp, tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, cụ thể: nông lâm nghiệp, thủy sản: 28,6%, giảm 0,9%; công nghiệp - xây dựng: 41,7%, tăng 0,6%; thương mại dịch vụ: 29,7%, tăng 0,3% so với năm 2017.

1.1. Lĩnh vực nông, lâm, thủy sản.

*** Lĩnh vực trồng trọt**

Tổng diện tích gieo trồng 15.657 ha, bằng 98,6% cùng kỳ, đạt 97,5% kế hoạch. Trong đó diện tích cây lương thực có hạt 9.886 ha, bằng 97,4% cùng kỳ, đạt 99,4% kế hoạch. Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 29.211 tấn, bằng 100% cùng kỳ (*diện tích cây lương thực giảm 84,1 ha so với cùng kỳ*), đạt 49,5% kế hoạch năm.

Tiếp tục thực hiện vùng rau an toàn xã Nga Yên, Nga Thành; Xây dựng cánh đồng mẫu lớn ở 7 xã, chuyển diện tích lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác hoặc ương trại tổng hợp. Chuyển hơn 70 ha lạc xuân sang trồng dưa hấu, khoai tây, rau các loại... Một số cây có giá trị kinh tế cao hoặc được hưởng cơ chế ưu đãi của tỉnh, huyện đều tăng diện tích như cây khoai tây, cây dưa hấu.

*** Lĩnh vực chăn nuôi**

Do giá một số sản phẩm chăn nuôi, nhất là giá thịt lợn hơi ở những tháng đầu năm ở mức thấp nên sản lượng có giảm, cụ thể: Đàn lợn 53.377 con, giảm 25%; Đàn

gia cầm 239.000 con, tăng 2,3%; Đàn bò 6.001 con, giảm 13,1%; Đàn trâu 338 con, giảm 9,4% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng 6.384 tấn, bằng 88,7% cùng kỳ. Tổng giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) ước đạt 275,2 tỷ đồng.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra các cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi, cơ sở giết mổ và kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật; thực hiện tốt công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm và đàn chó đợt 1 và đợt 2 năm 2018 đạt kết quả cao nên trên địa bàn huyện không có dịch bệnh xảy ra.

*** Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản**

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 1.630 ha bằng 103,8% cùng kỳ (tăng 60 ha), trong đó: diện tích nuôi nước lợ 401 ha, bằng 101,8% cùng kỳ (tăng 7 ha), tăng chủ yếu chuyên do đổi từ coi sang đào ao đầm, diện tích nuôi nước ngọt 859 ha, bằng 106,6% cùng kỳ, diện tích tăng do chuyển từ lúa và coi sang... diện tích nuôi ngao nước mặn 370 ha bằng 100% so cùng kỳ.

Tổng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi ước đạt 4.933,7 tấn tăng 4,2% so với cùng kỳ, trong đó sản lượng nuôi 2898,9 tấn tăng 3,8% so cùng kỳ; sản lượng tăng do diện tích tăng: sản lượng khai thác 2.034,2 tấn, tăng 0,2% so cùng kỳ, trong đó khai thác biển 2.266,3 tấn, tăng 3,3%.

Toàn huyện có 228 chiếc tàu thuyền khai thác với tổng công suất 9.322 CV, giảm 20 chiếc so cùng kỳ; công suất tăng 322 CV, tăng 3,6% so cùng kỳ.

*** Lĩnh vực lâm nghiệp**

Trong 9 tháng đầu năm trồng được hơn 7.000 cây các loại trong đó có 3.350 cây lâm nghiệp phân tán bằng 106,3% cùng kỳ, chủ yếu là trồng cây lấy gỗ như sao đen, xà cừ, keo, bạch đàn và một số loại cây bóng mát khác. Tổng giá trị sản xuất lâm nghiệp (theo giá so sánh 2010) ước đạt 1,7 tỷ đồng, tăng 1% so với cùng kỳ, đạt 74,7% kế hoạch năm.

Tiếp tục chăm sóc và bảo vệ 447,71 ha rừng phòng hộ ven biển. Sản lượng gỗ khai thác ước đạt 60,6 m³ bằng 99,3% cùng kỳ. Thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ rừng, không để xảy ra cháy, chặt phá rừng.

*** Lĩnh vực thủy lợi**

Tăng cường kiểm tra, chỉ đạo điều hành nước, kiểm tra đánh giá hiện trạng, sửa chữa đê, kè, cống, nạo vét kênh mương phục vụ sản xuất và phòng chống bão lụt; thành lập đoàn kiểm tra đê điều trên địa bàn huyện, kiểm tra hệ thống an toàn, các công trình xây dựng trái phép trong hành lang đê, hoạt động của đò ngang chở khách qua sông; kiểm tra công tác phòng chống thiên tai, TKCN năm 2018.

1.2. Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản.

*** Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp**

Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ước đạt 1.283,4 tỷ đồng, bằng 118% cùng kỳ, đạt 70,5% kế hoạch năm. Trong đó, công nghiệp chế biến 867,9 tỷ đồng bằng 118,4% cùng kỳ. Sản phẩm chủ yếu: quần áo các loại trên 15,1 triệu sản phẩm, tăng 14%; quai lõi 2.993 tấn, tăng 14,8%; chiếu các loại 329 nghìn lá, giảm 3,5%; gạch các loại 19,7 triệu viên, tăng 2%; Đá các loại 113.000m³, giảm 3,4% so với cùng kỳ.

Tình hình sản xuất công nghiệp một số ngành có mức tăng khá như: may mặc tăng 19,7%, sản xuất các sản phẩm kim loại tăng 18,3%, sản xuất các sản phẩm từ gỗ

tăng 16.4%; Một số ngành tăng nhẹ như: cung cấp nước sạch tăng 9,8%, sản xuất các sản phẩm từ cối tăng 9,3%.

*** Xây dựng cơ bản**

Chỉ đạo nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đang thực hiện: Kiên cố hóa kênh Hung Long, Nhà làm việc hội Đông Y; đường Yên Ninh đi tỉnh lộ 527; đường Tuấn Phương đi ngã Năm Hạnh; trường mầm non các xã Nga Tân, Nga Thủy; trạm y tế các xã Nga Thanh, Nga Vĩnh, Ba Đình, Nga Điền, Nga Thiện, Nga Thắng; nhà văn hóa các xã Nga Vĩnh, Nga Thiện, Nga Thắng, Nga Thanh; cải tạo nâng cấp đèn mẫu động Từ Thức; bồi phụ mặt đê và sửa chữa hệ thống cống dưới đê sông Hoạt....

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt 1.282,0 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ, đạt 75,4% kế hoạch năm. Trong đó, nguồn vốn từ ngân sách trung ương ước đạt 20,5 tỷ đồng, bằng 105% cùng kỳ, chiếm 1,2% tổng vốn đầu tư; ngân sách địa phương ước đạt 115,0 tỷ đồng, bằng 100,8% cùng kỳ, chiếm 8,2% tổng vốn đầu tư; Vốn đầu tư dân cư và huy động khác ước đạt 1.147,0 tỷ đồng, bằng 108,7% cùng kỳ, chiếm 90,6% tổng vốn đầu tư.

1.3. Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại - thành lập mới doanh nghiệp

Trong 9 tháng đầu năm 2018 hàng hoá vật tư lưu thông thuận lợi đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của người dân, góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ ước đạt 1.809,4 tỷ đồng, tăng 17,3% so với cùng kỳ, đạt 75,7% kế hoạch năm.

Giá trị xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2018 ước đạt 93,2 triệu USD, bằng 114,6% cùng kỳ, đạt 84,8% kế hoạch năm. Trong đó giá trị xuất khẩu hàng may mặc đạt 47,6 triệu USD, tăng 8,8% và chiếm 91,1% tổng giá trị xuất khẩu trên toàn huyện.

Dịch vụ vận chuyên hành khách tiếp tục phát triển, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và cuộc sống của người dân. Tổng doanh thu vận tải ước đạt 204,8 tỷ đồng, tăng 13,7% so với cùng kỳ, đạt 74,6% kế hoạch năm. Số lượt hành khách đi lại trong 9 tháng ước đạt hơn 656 nghìn người, tăng 16,4% so với cùng kỳ. Thành lập mới được 36 doanh nghiệp đạt 60% kế hoạch năm.

1.4. Lĩnh vực thu, chi ngân sách

Tiếp tục khai thác tốt các nguồn thu, nhất là nguồn thu từ cấp quyền sử dụng đất, bảo đảm nhiệm vụ chi thường xuyên và đầu tư phát triển. Tổng thu ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm ước đạt 220,0 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 72,5% dự toán tỉnh giao, 78,6 % dự toán huyện giao và bằng 113,5% so với cùng kỳ. Tổng chi ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm ước đạt 450,0 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 79,9% dự toán tỉnh và huyện giao và bằng 137,7% so với cùng kỳ.

1.5. Lĩnh vực tín dụng, ngân hàng

Tiếp tục huy động nguồn vốn nhân rộng trong nhân dân, tạo điều kiện tốt nhất để các doanh nghiệp và nhân dân tiếp cận nguồn vốn phát triển sản xuất. Huy động vốn của các ngân hàng, quỹ tín dụng trên địa bàn ước đạt 1.299 tỷ đồng, bằng 100,85% cùng kỳ; dư nợ ước đạt 1.415,36 tỷ đồng, bằng 103,6% cùng kỳ.

1.6. Lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường

Công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, môi trường được chú trọng và tăng cường. Chỉ đạo thực hiện công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn toàn huyện;

thực hiện thanh, kiểm tra, xử lý các vi phạm về môi trường tại các trang trại chăn nuôi và 2 công ty may công nghiệp trên địa bàn huyện; đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 9 tháng đầu năm đã cấp được 2.802 giấy chứng nhận QSD đất: đăng ký biến động đất đai 2.248 trường hợp. Trong đó, ký hồ sơ giao dịch bảo đảm thế chấp 1.935 hồ sơ, xóa thế chấp 885 hồ sơ.

1.7. Chương trình xây dựng nông thôn mới

Chín tháng đầu năm 2018 UBND huyện đã tập trung chỉ đạo quyết liệt về chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đến nay bình quân toàn huyện đạt 17,16 tiêu chí, tăng 1,85 tiêu chí so với cùng kỳ, có 132/228 thôn được công nhận thôn, xóm đạt chuẩn nông thôn mới, có 15/26 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Lĩnh vực văn hoá - xã hội

2.1. Các hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, văn nghệ quần chúng tiếp tục được duy trì, tổ chức các chương trình văn nghệ đặc biệt chào mừng các ngày kỷ niệm, đón xuân Mậu Tuất. Lễ hội Mai An Tiêm; Chỉ đạo các xã, làng đón nhận đạt chuẩn văn hóa NTM. Thực hiện tốt việc cưới, việc tang, lễ hội theo quy định.

2.2. Ngành Giáo dục và Đào tạo tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, ngành học. Chỉ đạo các trường tổ chức tổng kết năm học 2017-2018; công tác chuẩn bị cho kỳ thi THPT quốc gia và tuyển sinh đầu cấp được chuẩn bị khẩn trương. Kết quả năm học 2017 - 2018 đạt khá toàn diện, chất lượng giáo dục ổn định và tăng so với năm học trước. Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng. Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc để hoàn thành kế hoạch xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia năm 2018.

2.3. Ngành Y tế đã tập trung chỉ đạo công tác phòng chống dịch bệnh; chỉ đạo các cơ sở khám, chữa bệnh nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, trong 6 tháng đầu năm tổng số lượt khám chữa bệnh trên 53.000 lượt người, công suất sử dụng giường bệnh đạt 255%, tỷ lệ người tham gia BHYT đạt 77,5%, tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đạt 48%, số hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 86,7%.

Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình: tỷ suất tăng dân số tự nhiên đạt 0,28%, tăng 0,03% so cùng kỳ; tỷ lệ người sinh con thứ 3 trở lên 14,2%, tăng 0,2% so với cùng kỳ.

2.4. Ngành Lao động - Thương binh và xã hội thực hiện chi trả chế độ cho các đối tượng đầy đủ, kịp thời, đúng quy định, đảm bảo an sinh xã hội; tổ chức thăm hỏi tặng quà, chuyển quà động viên kịp thời người cao tuổi, các gia đình người có công, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân các ngày lễ, tết cho hơn 13.000 đối tượng; tỷ lệ hộ nghèo còn 4,83%, hộ cận nghèo 8,72%; đào tạo nghề cho 1.550 lao động, giải quyết việc làm mới cho 1.250 lao động, xuất khẩu lao động được 95 người.

2.5. Chỉ đạo cơ sở thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định. Tất cả các đơn thư kiến nghị đều được giải quyết kịp thời, đúng quy định, không có đơn thư tồn đọng.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện.

Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được tăng cường, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm hành chính công, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đến liên hệ giải quyết công việc.

2.6. Xây dựng phương án sáp nhập các trường THCS và Tiểu học trên địa bàn huyện đến năm 2020; phương án sáp nhập Đài truyền thanh, Trung tâm VH - TDTT và Nhà văn hóa Thanh thiếu nhi huyện.

Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện các bước của quy trình sáp nhập thôn, xóm. Có 19 xã tổ chức thực hiện và hoàn chỉnh hồ sơ sáp nhập từ 125 thôn xóm còn 59 thôn mới theo Đề án của UBND tỉnh (giảm 66/234 thôn).

Thực hiện công tác khen thưởng: Công nhận danh hiệu tập thể, cá nhân lao động xuất sắc, tiên tiến, danh hiệu CSTĐ cơ sở. Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND huyện cho tập thể và cá nhân; Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo.

Phối hợp với trường Chính trị tỉnh mở các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên cho cán bộ, công chức, viên chức các phòng, ban và đơn vị sự nghiệp cơ quan UBND huyện; phối hợp với Trung tâm GDTX tỉnh, bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý giáo dục cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường MN, TH, THCS trên địa bàn huyện.

2.7. Công tác tuyên truyền PBGDPL được chú trọng và thực hiện bằng nhiều hình thức, tổ chức 84 hội nghị, truyền thanh 4.510 lượt; Phối hợp với Sở Tư pháp, UB MTTQ huyện;... tuyên truyền các văn bản pháp luật theo các đề án, tổ chức triển khai các văn bản pháp luật mới ban hành của nhà nước, kịp thời tuyên truyền cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn toàn huyện. Tuyên truyền PBGDPL các văn bản như: Bộ Luật hình sự 2015, Luật Ngân sách nhà nước, Luật phí và lệ phí năm 2015, Luật sửa đổi các Luật về thuế 2016, Luật Báo chí,...

Thực hiện tốt công tác hoà giải ở cơ sở, công tác đăng ký và quản lý hộ tịch; cấp huyện thực hiện cải chính hộ tịch, đăng ký kết hôn; cấp xã thực hiện đăng ký khai sinh, khai tử; thực hiện chứng thực theo luật định.

3. Lĩnh vực quốc phòng - an ninh

Thực hiện nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu; Chỉ đạo mở các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng ở cấp huyện và cấp xã; Chỉ đạo các xã, thị trấn chuẩn bị công tác diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2018; xây dựng kế hoạch quốc phòng, an ninh, kế hoạch xây dựng cơ sở an toàn làm chu, sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện dân quân, tự vệ, theo quy định. Thực hiện công tác tuyên quân và tổ chức lễ giao quân đủ chỉ tiêu. Tổ chức đăng ký, khám tuyển, hoàn chỉnh hồ sơ cho 64 thí sinh dự thi vào các học viện, nhà trường trong quân đội; tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg và Quyết Định 49/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện ổn định. Chủ động nắm chắc tình hình về an ninh vùng giáo, an ninh tuyến biên, an ninh nông thôn, giải quyết kịp thời về an ninh trật tự. Công tác điều tra, xử lý tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật đều đảm bảo đúng quy trình, không để xảy ra oan sai, sót lọt và vi phạm pháp luật. Thực hiện quản lý tạm trú, lưu trú người nước ngoài, Việt kiều trên địa bàn.

Trật tự an toàn giao thông được kiểm soát. Tập trung tuân tra kiểm soát, xử lý vi phạm đối với trường hợp xe quá tải, phương tiện hết niên hạn sử dụng, người điều khiển xe mô tô, xe đạp điện vi phạm trật tự an toàn giao thông. Ngăn chặn có hiệu quả tình trạng công dân xuất cảnh trái phép đi lao động nước ngoài. Báo cáo UBND tỉnh về việc doanh nghiệp Minh Nguyệt, huyện Yên Mô - Ninh Bình khai thác đá, đánh mòn làm ảnh hưởng đến cảnh quan khu di tích lịch sử văn hóa chùa Hàn Sơn.

Tổ chức hội nghị điểm tổng kết 10 năm thực hiện Đề án 375, Chỉ thị số 10 của UBND tỉnh và thực hiện Đề án xây dựng mô hình doanh nhân với an ninh trật tự.

II. NHỮNG HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế.

- Chuyên dịch cơ cấu cây trồng chậm, một số cây trồng có giá trị kinh tế cao nhưng chậm được nhân rộng; giá cả, chất lượng vật tư nông nghiệp chưa được kiểm soát chặt chẽ.

- Cải cách thủ tục hành chính tuy có chuyển biến, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đề ra, nhất là công tác phối hợp giữa các cấp, ngành chưa cụ thể.

- Tình hình sản xuất TTCN trên địa bàn tuy có phục hồi nhưng tốc độ còn chậm. Việc thành lập mới doanh nghiệp chưa đạt kế hoạch.

- Công tác quản lý đất đai, môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra; tình trạng xây dựng trái phép, vi phạm hành lang lưu không, hành lang đê ở một số xã xử lý thiếu kiên quyết: tiến độ thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở tồn đọng và đất nông nghiệp sau dồn đổi chưa đạt kế hoạch. Môi trường trong chăn nuôi chưa được xử lý dứt điểm.

- Hoạt động VH - TDTT của trung tâm văn hóa các xã, thôn chưa phát huy hiệu quả.

- Tỷ lệ tăng dân số, tỷ lệ người sinh con thứ 3 cao hơn so với cùng kỳ.

- Công tác tuyển quân còn khó khăn, phải chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, khám bổ sung nhiều lần.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại một số xã còn tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định. Tệ nạn cờ bạc, số đề, nghiện hút có lúc còn nổi cộm; Tình hình trộm cắp, đánh nhau gây thương tích vẫn còn xảy ra; tình trạng đi xe mô tô, xe đạp điện không đội mũ bảo hiểm, nhất là ở thanh niên và học sinh, tai nạn giao thông tuy giảm nhưng vẫn còn tai nạn nghiêm trọng.

2. Nguyên nhân.

- *Nguyên nhân khách quan*

Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp, thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khó khăn, thiếu ổn định.

- *Nguyên nhân chủ quan*

Công tác chỉ đạo, điều hành, công tác tuyên truyền ở một số đơn vị, ngành chức năng chưa được quan tâm đúng mức, chưa quyết liệt, chưa bán sát vào mục tiêu nhiệm vụ đề ra.

Công tác tuyên truyền, vận động các hộ kinh doanh lớn thành lập doanh nghiệp còn hạn chế.

Việc phối kết hợp giữa các cấp, các ngành, các phòng ban chuyên môn có lúc thiếu đồng bộ. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức không đồng đều,

một số cán bộ, công chức trong quá trình giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, doanh nghiệp, người dân chưa làm hết trách nhiệm được giao.

Một số địa phương, ngành thiếu kiên quyết trong xử lý các vi phạm về đất đai, môi trường trong chăn nuôi, vi phạm về giao thông.

III. ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018 VÀ CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 3 THÁNG CUỐI NĂM 2018

1. Nhiệm vụ và các giải pháp

1.1. Về phát triển kinh tế

1.1.1. Về nông, lâm, thủy sản.

Tiếp tục tổ chức thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyên đổi cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ, đẩy mạnh áp dụng KHKT, đẩy mạnh và đưa cơ giới vào sản xuất nông nghiệp; mở rộng vùng sản xuất rau màu an toàn; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án cánh đồng mẫu lớn, xây dựng vùng dừa hấu Mai An Tiêm; kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Đẩy mạnh thâm canh cói, phát triển sản xuất TTCN, tìm kiếm, Chỉ đạo các địa phương không để nhân dân sử dụng giống lúa không theo cơ cấu của huyện để sản xuất.

Chỉ đạo thực hiện tốt phương án sản xuất vụ thu, vụ mùa 2018. Tập trung chỉ đạo chuyên đổi cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ; chuyên đổi diện tích đất sâu, đất xấu, đất xa sang mô hình trang trại tổng hợp theo quy hoạch; thực hiện tốt Đề án thủy lợi nội đồng.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi; ổn định số trang trại chăn nuôi công nghiệp, khuyến khích phát triển chăn nuôi nông hộ theo nhu cầu thị trường chăn nuôi trang trại tổng hợp gắn với bảo vệ môi trường, tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi.

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM theo kế hoạch, lộ trình xây dựng nông thôn mới các xã và cấp huyện, phấn đấu 05 xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trong quý III, quý IV năm 2018.

1.1.2. Về xây dựng cơ bản, thành lập mới doanh nghiệp

Tập trung chỉ đạo, tăng cường quản lý và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, chất lượng các công trình đầu tư xây dựng cơ bản do UBND huyện và UBND các xã, thị trấn làm chủ đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đang thi công để đưa vào sử dụng ... Khởi công một số dự án mới: Trường THCS xã Ba Đình, Sửa chữa nhà lớp học và nhà đa năng trường THPT Mai Anh Tuấn, Cầu Mậu Thịnh, đường từ công sở xã Ba Đình đi Nga Thắng, khu dân cư bắc làng Nghè, trường mầm non xã Nga Thiện, công sở xã Nga Bạch, sân văn hóa TDTT các xã Nga Vịnh, Ba Đình, Nga Thiện ...

Phối hợp với Sở KH&ĐT mở lớp tập huấn đào tạo doanh nghiệp và khởi sự doanh nhân cho các học viên tham gia.

Tiếp tục thu hút đầu tư, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh vào đại bản. Phát huy những nghề truyền thống và có thế mạnh, tìm thị trường đầu ra ổn định. Tập trung chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành chỉ tiêu thành lập mới doanh nghiệp trong năm 2018.

1.1.3. Về thu, chi ngân sách

Thực hiện tốt việc thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện nhất là nguồn thu từ đầu giá cấp quyền sử dụng đất. Các xã, thị trấn khẩn trương hoàn thiện hồ sơ để

tiên hành đấu giá cấp quyền sử dụng đất trong tháng 8/2018, khai thác nguồn thu bảo đảm hoàn thành kế hoạch thu ngân sách năm 2018, tiết kiệm chi, đảm bảo tiết kiệm chống lãng phí, ưu tiên nguồn vốn trả nợ các công trình đã quyết toán.

1.1.4. Lĩnh vực Tài nguyên môi trường

Tập trung chỉ đạo giải quyết tồn đọng đất đai, tăng cường quản lý đất đai và xử lý nghiêm tình trạng lấn chiếm, sử dụng đất không đúng quy hoạch; Tập trung chỉ đạo quyết liệt hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận QSD đất nông nghiệp; xử lý nghiêm tình trạng ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi trang trại công nghiệp, chăn nuôi trong khu dân cư; xây dựng các xã, thị trấn bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm.

Chỉ đạo làm tốt công tác thu gom xử lý rác thải sinh hoạt, bảo đảm vệ sinh môi trường trong khu dân cư

2.2. Lĩnh vực văn hoá - xã hội

Tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức kỷ niệm 71 năm ngày thương binh liệt sỹ; chỉ đạo thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa; Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng hoạt động của các làng, cơ quan, đơn vị văn hóa; xây dựng 04 xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới.

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh; chú trọng giáo dục kỹ năng sống, nâng cao chất lượng dạy và học Tiếng Anh ở các bậc học trên địa bàn huyện; đẩy mạnh công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

Chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn thực hiện việc sáp nhập thôn theo tiêu chí mới quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BNV của Bộ Nội vụ đối với những xã có đủ điều kiện: Hoàn thành việc sáp nhập trường THCS và tiểu học, chuẩn bị tốt mọi điều kiện để đón năm học mới 2018-2019.

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân; thực hiện tốt công tác truyền thông về chính sách KHHGD; giảm tỷ lệ tăng dân số, tỷ lệ người sinh con thứ 3 trở lên. Tăng cường công tác kiểm soát, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế theo tiêu chí nông thôn mới.

Chỉ đạo các xã, thị trấn quan tâm đến hoạt động của trung tâm VH - TDTT của xã, đặc biệt ở các thôn, xóm nhằm nâng cao hơn nữa đời sống tinh thần, sức khỏe cho nhân dân.

Chi trả trợ cấp cho các đối tượng theo quy định, đánh giá thực hiện giảm nghèo vững chắc; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giải quyết việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Thực hiện cải cách hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả của TTHCC; làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; giải quyết đơn thư của công dân theo đúng thẩm quyền quy định; nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công chức từ huyện đến cơ sở trong công tác giải quyết các thủ tục hành chính cho công dân, doanh nghiệp.

2.3. Lĩnh vực quốc phòng - an ninh.

Làm tốt công tác tuyên truyền để thanh niên sẵn sàng lên đường nhập ngũ đảm bảo tuyên đủ quân theo kế hoạch hàng năm. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - an ninh gắn với phát triển kinh tế- xã hội; duy trì nghiêm chế độ trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu, quản lý và phối hợp với Trung đoàn 27 để thực hiện nhiệm vụ huấn luyện

quân dự bị động viên năm 2018 theo kế hoạch được giao, chủ động phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng toàn dân.

Giải quyết kịp thời những vụ việc nổi cộm, không để phát sinh thành điểm nóng; đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp giữ gìn an ninh trật tự, tìm chế tai nạn giao thông, giữ vững ổn định chính trị, bao đảm trật tự an toàn xã hội.

2. Ước thực hiện kế hoạch năm 2018

Những kết quả đã đạt được trong 9 tháng đầu năm là rất tích cực, là tiền đề để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu cả năm 2018. Tuy nhiên, dự báo 6 tháng cuối năm trên địa bàn huyện tiếp tục gặp những khó khăn thách thức. Để khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, đòi hỏi các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân chủ động tháo gỡ khó khăn; có biện pháp chỉ đạo, điều hành phù hợp; Tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp 3 tháng cuối năm, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu của cả năm 2018.

1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất 13,5% trở lên (*kế hoạch cả năm*).
2. Cơ cấu giá trị sản xuất giữa các ngành: nông - lâm - thủy sản: 28,3%; công nghiệp - TTCN - XD: 41,3%; dịch vụ - thương mại: 30,4% (*kế hoạch cả năm*).
3. Thu nhập bình quân đầu người: 34 triệu đồng/ năm.
4. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 650/1.700 tỷ đồng.
5. Tổng sản lượng lương thực: 19.889/59.000 tấn.
6. Sản lượng cói khô: 5.272/12.500 tấn.
7. Tổng giá trị xuất khẩu: 22/105 triệu USD; thành lập mới 24/60 doanh nghiệp.
8. Tổng thu NSNN: 60/280 tỷ đồng trở lên.
9. Xây dựng 3 trường chuẩn quốc gia; 2 xã chuẩn quốc gia về y tế; 4 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.
10. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 0,6%; tỷ lệ người sinh con thứ 3 trở lên dưới 10% (*kế hoạch cả năm*).
11. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90% (*kế hoạch cả năm*).
12. Tỷ lệ nhân dân tham gia BHYT đạt 82% trở lên (*kế hoạch cả năm*).
13. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 9% (*kế hoạch cả năm*).
14. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn 1.250/3.000 người; giải quyết việc làm mới cho 550/2.000 lao động, xuất khẩu lao động 105/200 người.
15. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3,7% (*kế hoạch cả năm*).
16. 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40 thôn đạt chuẩn nông thôn mới trở lên (*kế hoạch cả năm*).
17. 100% các tổ chức cơ sở đạt an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu. Xây dựng 80% trở lên khu dân cư an toàn về an ninh trật tự (*kế hoạch cả năm*).

Phần thứ hai

DỰ BÁO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

Phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục khó khăn, năng động khai thác mọi nguồn lực: toàn huyện quyết tâm phấn đấu năm 2019 có nền kinh tế - xã hội phát

triển với tốc độ bền vững, quốc phòng và an ninh được ổn định tạo cơ sở vững chắc thực hiện thành công nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ XXII.

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT.

1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất 13,5% trở lên.
2. Cơ cấu giá trị sản xuất giữa các ngành: nông - lâm - thủy sản: 27,1%; công nghiệp - TTCN - XD: 41,8%; dịch vụ - thương mại: 31,1%.
3. Thu nhập bình quân đầu người: 39 triệu đồng/năm.
4. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 1.700 tỷ đồng.
5. Tổng sản lượng lương thực: 59.000 tấn.
6. Sản lượng cói khô: 12.500 tấn.
7. Tổng giá trị xuất khẩu: 115 triệu USD; thành lập mới 30 doanh nghiệp.
8. Tổng thu NSNN: 250 tỷ đồng trở lên.
9. Xây dựng 3 trường chuẩn quốc gia; 2 xã chuẩn quốc gia về y tế; 4 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.
10. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 0,6%; tỷ lệ người sinh con thứ 3 trở lên dưới 10%.
11. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90%.
12. Tỷ lệ nhân dân tham gia BHYT đạt 85% trở lên.
13. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 9%.
14. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn 3.000 người; giải quyết việc làm mới cho 2.000 lao động, xuất khẩu lao động 200 người.
15. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3,7%
16. 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40 thôn đạt chuẩn nông thôn mới trở.
17. 100% các tổ chức cơ sở đạt an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu. Xây dựng 80% trở lên khu dân cư an toàn về an ninh trật tự.

II. ĐỊNH HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC.

1. Lĩnh vực kinh tế.

1.1 Nông, lâm nghiệp, thủy sản.

*** Chi tiêu:**

Phần đầu giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 1.325,4 tỷ đồng (giá CĐ 2010): tăng 5,0% so CK.

*** Các giải pháp chủ yếu:**

- Dây mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng toàn diện, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi lợn 30%, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, mùa vụ theo hướng thâm canh tăng năng suất. đa cây, đa con, đa thời vụ nhằm tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích. Xác định vững chắc bộ giống cây trồng, vật nuôi để tạo ra vùng thân canh có năng suất, chất lượng và hiệu quả. Tiếp tục thực hiện xây dựng vùng thân canh mẫu lớn để quy hoạch đưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng và thực hiện phương án sản xuất các vụ trong năm 2017, tận dụng hết diện tích sản xuất, có cơ chế khuyến khích cho phát triển các vùng cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.

- Chỉ đạo làm tốt công tác giao thông, thủy lợi nội đồng, giải phóng đất, hạ thấp mặt bằng, thực hiện thau chua rửa mặn, giải quyết đủ nước ngọt cho các vùng sản

xuất. Đặc biệt thực hiện quy hoạch giao thông nội đồng cho vùng chuyên đổi trồng cói sang trồng lúa ở hai xã Nga Tân, Nga Tiến. Chủ động công tác phòng trừ sâu bệnh cho các loại cây trồng, củng cố HTX nông nghiệp làm bả đỡ cho hộ nông dân.

- Tăng cường quản lý nhà nước đối với hệ thống dịch vụ thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, kiểm dịch động vật, kiểm soát công tác giết mổ và thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

1.2. Sản xuất công nghiệp, TTCN, xây dựng cơ bản.

*** Chỉ tiêu:**

Phần đầu giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, XDCB là 3.269,7 tỷ đồng (giá CD 2010) tăng 15,7% CK.

*** Các giải pháp chủ yếu:**

- Tiếp tục thực hiện các cơ chế hỗ trợ của các cấp, mở rộng đa dạng hóa các ngành nghề trên địa bàn huyện, kêu gọi các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn các ngành nghề mới thủ công mỹ nghệ từ cói, thêu ren, Nhà máy may Hàn quốc, Nhà máy bao Đài - Việt vào hoạt động... nhằm thu hút lao động nông thôn có việc làm và mỗi gia đình có từ 2 đến 3 nghề. Mở rộng thị trường chiếu nội địa khai thác thị trường, xúc tiến thương mại mở rộng thị trường, xây dựng thương hiệu "Chiếu cói Nga Sơn" để giới thiệu, chào hàng ra thị trường.

- Mở rộng các lĩnh vực sản xuất chế biến gỗ dân dụng xuất khẩu, sản xuất gạch tuynel, gạch Boloc, ổn định vùng nguyên liệu cói sản xuất chiếu nội địa và đa dạng hóa các mặt hàng từ cói.

- Tăng cường quản lý nhà nước đối các doanh nghiệp nông cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Rà soát hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp, làng nghề nếu hoạt động không có hiệu quả thiên chuyển đổi hình thức kinh doanh. Nâng cao biện pháp quản lý đất cho thuê để phát huy hiệu quả.

- Quy hoạch và xây dựng một số khu vực khai thác vật liệu xây dựng, đảm bảo vệ sinh môi trường và bảo vệ danh lam thắng cảnh phát triển du lịch.

- Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn bãi rác phía nam, phía bắc, nâng cao năng lực hoạt động của Công ty vệ sinh môi trường.

1.3. Dịch vụ, Thương mại.

*** Chỉ tiêu :**

Tổng giá trị sản xuất các ngành dịch vụ phần đầu 2.601,9 tỷ đồng (giá CD 2010): tăng 15,6% so CK.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ phần đầu đạt 2.610,0 tỷ đồng, tăng 15,0% so CK.

*** Các giải pháp chủ yếu:**

- Tiếp tục củng cố khu trung tâm kinh tế, chợ nông thôn ở các xã, thị trấn; phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ các tụ điểm thương mại gắn với đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn giao thông.

- Tăng cường phát triển mạng viễn thông phục vụ sản xuất và đời sống. Phần đầu 14,8 máy điện thoại cố định/100 dân, 100% số xã, thị trấn hoà mạng Intenes, mạng

lan. Xây dựng và phát triển mạng lưới giao thông vận tải đảm bảo nhu cầu vận tải hàng hóa và di lại của nhân dân.

- Quản lý chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh, ngăn chặn sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng.

- Các Ngân hàng và Quỹ tín dụng nhân dân huy động tối đa mọi nguồn vốn đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn của nhân dân cho phát triển kinh tế và đời sống dân sinh.

1.4. Khai thác nguồn vốn, tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đã đề ra tại Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia năm 2016 và 2017; định hướng đến năm 2020 và Kế hoạch hành động của UBND huyện thực hiện khâu đột phá về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nhằm tạo thuận lợi trong đẩy mạnh thu hút đầu tư, huy động vốn cho đầu tư phát triển.

- Tiết kiệm chi hành chính, đầu tư, quản lý và khai thác tốt nguồn thu; kêu gọi nhân dân đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở. Tích cực đấu mối với Trung ương. Tình đề đầu tư một số dự án trong năm 2017 như: Củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông, Đường giao thông ven biển, Đường Nga Nhân - Nga Thiện - Nga An, Dự án nước sạch các xã ven biển, Kè và nạo vét sông Hung Long, Dự án khu du lịch Mai An Tiêm ...

- Tập trung nguồn vốn ngân sách huyện đầu tư xây dựng: Nhà thư viện và một số công trình khác.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công, kiểm tra chặt chẽ chống thất thoát, tiêu cực trong xây dựng cơ bản, thực hiện tốt công tác giám sát cộng đồng, đảm bảo chất lượng và quyết toán công trình theo luật định.

- Tập trung kêu gọi và thu hút các nguồn vốn Trung ương, tỉnh, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào địa bàn với các dự án phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ dân sinh.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội.

- Chỉ đạo thực hiện phát triển kinh tế hộ, giảm hộ nghèo vững chắc từ 3% trở lên.

- Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động hai không với bốn nội dung của ngành giáo dục phát động, chủ đề năm học “Đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” và chủ trương của huyện về đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường chuẩn quốc gia theo mục tiêu đại hội Đảng bộ huyện khóa XXII đề ra.

- Tập trung chỉ đạo xây dựng 10 làng chuẩn văn hóa, cơ quan văn hóa, xây dựng 3 xã văn hóa, 5 trường chuẩn quốc gia mức độ I, 2 xã chuẩn quốc gia về y tế. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt chỉ thị 27 của Bộ Chính trị, Quyết định 1323 của UBND tỉnh về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

- Quản lý tốt vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh cho nhân dân. Thực hiện tốt công tác truyền thông về chính sách KHGD, giảm tỷ lệ tăng dân số còn 0,65% và người sinh con thứ 3 trở lên xuống 12%.

- Chỉ đạo và thực hiện tốt công tác xuất khẩu lao động đạt 200 người đi lao động có thời hạn ở nước ngoài. Tăng cường công tác đào tạo nghề, mở rộng hình thức đào tạo nghề theo hướng mô hình doanh nghiệp. Ưu tiên đào tạo nghề có tính chiến lược lâu dài đầu tư vào sản xuất ổn định, thu hút con em có tay nghề cao vào các doanh nghiệp trên địa bàn.

3. Lĩnh vực tài nguyên môi trường.

Tiếp tục thực hiện công khai minh bạch trong thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai, tăng cường công tác tuyên truyền đến cán bộ và các tầng lớp nhân dân nắm chắc quy định của nhà nước khi thực hiện các thủ tục hành chính; kiên quyết xử lý nghiêm đối với cán bộ, người dân cố tình làm sai quy định; hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ ở đã có hồ sơ theo đúng quy định; đẩy nhanh việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ nông nghiệp sau dồn đổi ruộng đất, phấn đấu cơ bản xong trong năm 2019 để nhân dân có điều kiện tiếp cận các nguồn vốn cho đầu tư sản xuất kinh doanh. Tiếp tục rà soát các dự án được giao đất, cho thuê đất, kiên quyết đề nghị UBND tỉnh thu hồi đất của các dự án không đưa đất vào sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả.

4. Lĩnh vực nội chính.

Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật theo đề án của Chính phủ, kiểm tra thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật và công tác quản lý hộ tịch hộ khẩu. Tập trung giải quyết dứt điểm đơn thư mới của công dân theo đúng thẩm quyền và không có đơn thư vượt cấp. Thực hiện cải cách các thủ tục hành chính nâng cao trách nhiệm, vai trò của cán bộ, công chức hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân, thực hành tiết kiệm chống tham ô lãng phí, sách nhiễu gây phiền hà nhân dân.

5. Về cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; xây dựng chính quyền thực sự phục vụ nhân dân, tập trung vào công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế gắn với cải cách tiền lương. Thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí; nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, những nhiều người dân và doanh nghiệp; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu kiện tồn đọng, phức tạp, kéo dài.

6. Cũng cố an ninh, quốc phòng.

- Duy trì nghiêm chế độ trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu, quản lý quân dự bị động viên, nâng cao chất lượng huấn luyện DQTV, hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân. Thực hiện kiểm tra báo động lực lượng sẵn sàng chiến đấu, PCLB, tiềm kiếm

cứu hộ, cứu nạn, tổ chức thực hiện diễn tập cụm an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu và xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

- Nâng cao khả năng điều tra, truy tố xét xử theo Nghị quyết số 29 của UBTVQH. Tăng cường tuyên truyền cho cán bộ và nhân dân thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ Quốc, xây dựng khu dân cư an toàn về an ninh trật tự bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phòng, chống, truy quét tội phạm và các tệ nạn xã hội, hạn chế mức thấp nhất tai nạn giao thông. Thường xuyên kiểm tra công tác phòng chống cháy nổ ở các khu trung tâm thương mại, các cửa hàng xăng dầu, các nhà hàng v.v... Tập trung củng cố lực lượng công an, đặc biệt là công an xã, thị trấn đáp ứng tình hình, nhiệm vụ mới. Tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm những tụ điểm vi phạm chỉ giới và hành lang an toàn giao thông.

UBND huyện Nga Sơn lập báo cáo Tình hình Kinh tế - xã hội, an ninh- quốc phòng 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm, ước thực hiện cả năm 2018 và định hướng phát triển năm 2019 trình Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo các cấp và các ngành././ *umr*

Nơi nhận:

- Sở Kế Hoạch - Đầu tư;
- Thị Huyện ủy, HĐND huyện;
- Các PCU UBND huyện;
- Các VT: PCRH *umr*



Trần Ngọc Quyết

Biểu 1: CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG NĂM 2019

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2017	Năm 2018				Kế hoạch 2019	Kế hoạch 2019 so với ước TH 2018 (%)
				Kế hoạch	Ước TH 9 tháng	Ước TH cả năm	Ước TH 2018 so với TH 2017 (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8=7/4	9	10=9/7
1	CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ								
1	Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	5,584.6	6,335.8	4,754.3	6,339.1	113.5	7,197.0	113.5
	- Nông, lâm, thủy sản	"	1,193.1	1,218.1	946.7	1,262.3	105.8	1,325.4	105.0
	- Công nghiệp - xây dựng	"	2,425.8	2,837.4	2,119.5	2,826.0	116.5	3,269.7	115.7
	- Dịch vụ	"	1,965.8	2,280.3	1,688.1	2,250.8	114.5	2,601.9	115.6
2	Giá trị sản xuất (giá hiện hành)	Tỷ đồng	7,444.8	8,672.5	4,226.1	8,452.2	113.5	9,604.0	113.6
	- Nông, lâm, thủy sản	"	2,148.3	2,453.5	1,774.0	2,365.3	110.1	2,604.2	110.1
	- Công nghiệp - xây dựng	"	3,054.8	3,585.0	2,623.3	3,497.7	114.5	4,011.9	114.7
	- Dịch vụ	"	2,241.7	2,634.0	1,941.9	2,589.2	115.5	2,987.9	115.4
3	Cơ cấu giá trị sản xuất (giá hiện hành)	%	100.0	100.0		100.0		100.0	
	- Nông, lâm, thủy sản	"	28.9	28.3		28.0		27.1	
	- Công nghiệp - xây dựng	"	41.0	41.3		41.4		41.8	
	- Dịch vụ	"	30.1	30.4		30.6		31.1	
4	Tăng trưởng giá trị sản xuất (giá hiện hành)	%	114.0	116.5		113.1		113.5	
	- Nông, lâm, thủy sản	"	107.0	114.2		110.1		110.1	
	- Công nghiệp - xây dựng	"	118.6	117.4		114.0		114.7	
	- Dịch vụ	"	118.0	117.5		115.0		115.4	
5	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	28.5	34.0		34.0	119.3	39.0	114.7
6	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	1,949.8	2,267.1	1,809.4	2,261.8	116.0	2,601.0	115.0
7	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	107.6	110.0	93,2	110.0	102.2	112.0	101.8
	Trong đó: xuất khẩu chính ngạch	"	107.6	110.0	93,2	110.0	102.2	112.0	101.8
8	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD							
9	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	300.0	280.0	220.0	280.0	93.3	250.0	89.3
	Trong đó:								
	- Thu thuế xuất, nhập khẩu	"							
	- Thu nội địa	"	300.0	280.0	220.0	280.0	93.3	250.0	89.3
10	Tỷ lệ tăng thu ngân sách năm so với dự toán giao	%	5.0	8.0		5.0		8.0	
	Trong đó:								
	- Tỷ lệ số thôn ban	%							
11	Ngân sách cấp trên bổ sung cho ngân sách địa phương	Tỷ đồng	450.0	420.0	250.0	410.0	91.1	420.0	102.4
12	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	706.0	680.0	460.0	560.0	79.3	530.0	94.6
a	Chi đầu tư phát triển do địa phương quản lý	"	150.0	150.0	90.0	150.0	100.0	120.0	80.0
b	Chi thường xuyên	"	433.0	450.0	350.0	390.0	90.1	385.0	98.7
	- Chi cho sự nghiệp giáo dục	"	210.0	215.0	175.0	210.0	100.0	210.5	100.2
	- Chi cho sự nghiệp y tế	"	15.0	15.2	12,3	14.7	98.0	15.2	103.4
	- Chi cho quản lý hành chính nhà nước	"	101.0	105.0	75,5	90.0	89.1	90.2	100.2
13	Tổng huy động vốn DTPT trên địa bàn	Tỷ đồng	1,700	1,700.0	1,282.5	1,700	100.0	1,700.0	100.0

1	2	3	4	5	6	7	8=7/4	9	10=9/7
	<i>Trong đó:</i>								
	- Vốn Trung ương đầu tư	"	53	120.0	20.5	150	283.0	120.0	80.0
	- Vốn NS tỉnh đầu tư	"	80	150.0	25.0	189	236.3	150.0	79.4
	- Vốn NS địa phương	"	99	170.0	90.0	210	212.1	170.0	81.0
	- Các nguồn khác	"	1,468	1,260.0	1,147.0	1,151	78.4	1,260.0	109.5
14	Số doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn	Doanh nghiệp	30.0	60.0	36.0	60.0	200.0	40.0	66.7
15	Sản lượng lương thực có hạt	1.000 tấn	59.4	59.0	36.0	60.0	101.0	60.0	100.0
16	Giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản	Triệu đồng	109.4	116.0		103.0	94.1	106.0	102.9
17	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	2.0	5.0		5.0		6.0	
18	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	34.6	57.7		55.7		80.7	
19	Số thôn, bản đạt tiêu chí nông thôn mới (không bao gồm các thôn, bản thuộc các xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới)	Thôn, bản		34.0	30.0		30.0		30.0
20	Tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn (không tính quốc lộ và tỉnh lộ) được cứng hóa	%		45.0	60.0		60.0		70.0
21	Tỷ lệ đô thị hóa	%							
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG		141.3	142.0		142.0	100.5	142.0	100.0
1	Dân số trung bình	1.000 người	6.2	6.3		6.3	101.6	6.3	100.0
	- Tốc độ tăng dân số	%	1.4	1.5		1.6	114.3	1.5	93.8
	- Mức giảm sinh	‰	2.0	2.0		2.0	100.0	2.0	100.0
2	Số lao động được tạo việc làm trong năm	1.000 người	50.0	52.0		50.0		52.0	
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%							
	<i>Trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	55.0	55.0		55.0		55.0	
4	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	72.4	77.0		68,9		76.5	
5	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	10.1	10.0					
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (tính bằng theo tuổi)	%							
7	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi	‰							
8	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi	‰							
9	Tỷ suất chết mẹ/ 100.000 trẻ đẻ sống	%	70.0	78.0		65.0		70.0	
10	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%							
11	Số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	Xã, phường, thị trấn							
12	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	%							
13	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế.	%	70	85		85.0		100.0	
14	Số hộ nghèo	Hộ	3,250.0	2,850.0	2,636.0	2,636.0	81.1	1,560.1	59.2
15	Tỷ lệ hộ nghèo	%	6.4	4.5		4.5		2,9	
16	Số thuê bao điện thoại/100 dân	Thuê bao	75.0	78.0	13.0	14.0	18.7	15.0	107.1
17	Tỷ lệ nhà ở kiên cố	%	68.0	70.0	73.0	75.0		78.0	
18	Tỷ lệ che phủ rừng	%	90.0	95.0		95.0		98.0	
19	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	%	80.0	85.0	85.0	90.0		95.0	
20	Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn	%	70.0	75.0	80.0	80.0		85.0	
21	Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	%	85.0	90.0	90.0	95.0		98.0	
22	Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch	%	100.0	100.0	100.0	100.0		100.0	
III	CHỈ TIÊU VỀ AN NINH TRẬT TỰ								